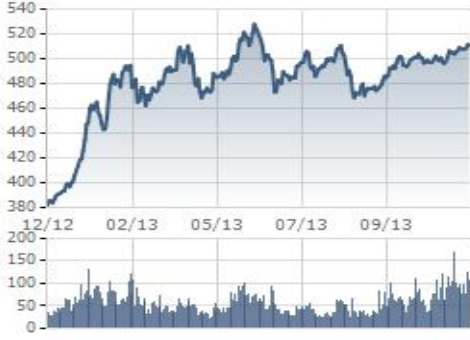


HOSE 05/12/2013

VNINDEX 510.03 -0.85 -0.17%

KLGD 103,881,666 CP
GTGD 1,377.79 Tỷ
GTR NDTNN 2.51 Tỷ

CP Tăng giá 102 CP
CP Giảm giá 113 CP
CP Đứng giá 89 CP

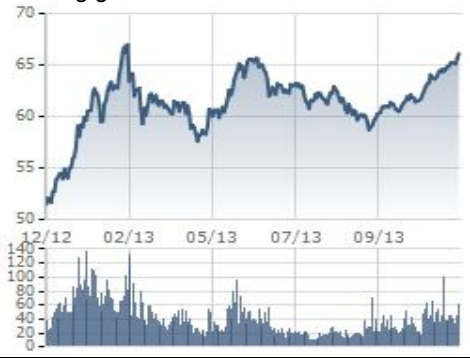


HNX 05/12/2013

HNXINDEX 66.07 -0.05 -0.07%

KLGD 43,358,300 CP
GTGD 324.58 Tỷ
GTR NDTNN 2.13 Tỷ

CP Tăng giá 93 CP
CP Giảm giá 78 CP
CP Đứng giá 208 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 569.18 -1.73 -0.30%

HNX30 125.36 -0.35 -0.28%

Tâm điểm

- ▶ **Nhóm Bất động sản và Chứng khoán giữ nhiệt cho thị trường**
- ▶ **Thanh khoản sụt giảm trên cả 2 sàn, nhưng vẫn đang ở mức khá cao**
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 1.700 tỷ đồng.
- ▶ **Dự báo cán cân thanh toán quốc tế thặng dư 1,5 - 2 tỉ USD**
Theo báo cáo Đánh giá tình hình kinh tế Việt Nam 11 tháng năm 2013 của NFSC Thanh Niên
- ▶ **Tổng thu ngân sách Nhà nước 11 tháng ước đạt trên 85% dự toán**
Theo thông tin được cung cấp bởi Bộ Tài Chính Công An Nhân Dân
- ▶ **Thủ tướng: GDP của Việt Nam tăng trưởng 5,4% năm 2013**
Phát biểu của thủ tướng tại Diễn đàn Đối tác Phát triển Việt Nam (VDPF) 2013 Người Đồng Hành
- ▶ **HDO - Phát hành riêng lẻ 3 triệu cổ phiếu**
Việc chào bán đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên Người Đồng Hành
- ▶ **NHS - Gia hạn thời gian chào bán 30 triệu cp ra công chúng**
Thời gian để phân phối chứng khoán trên sau khi gia hạn là ngày 15/01/2014 Công Lý

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
HOSE	854,036	2,362	12.3	2.9	2.90
HNX	104,628	722	16.6	1.6	4.27
Toàn bộ thị trường	958,664	1,859	13.2	2.9	3.09

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	8,033	4,300	6.4	1.1	0.50
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	21,007	5,436	6.5	1.6	0.39
Thép và sản phẩm thép	28,028	1,560	12.9	1.6	1.84
Khai khoáng	12,121	751	39.7	4.9	0.33
Vật liệu xây dựng & Nội thất	14,999	987	11.9	1.3	1.67
Xây dựng	23,121	402	22.1	0.9	3.20
Máy công nghiệp	8,379	2,915	8.5	1.5	0.65
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,538	3,097	10.7	1.2	0.42
Lốp xe	6,058	4,405	7.6	2.3	1.28
Nuôi trồng nông & hải sản	12,360	1,641	10.6	1.2	1.96
Thực phẩm	199,301	3,862	21.9	5.7	0.74
Dược phẩm	13,591	5,962	10.7	3.0	0.79
Phần mềm	13,674	5,015	8.5	1.9	1.11
Sản xuất & phân phối điện	20,492	2,218	6.3	1.2	1.17
Phân phối xăng dầu & khí đốt	128,491	6,178	9.6	3.6	0.45
Bảo hiểm nhân thọ	27,899	1,618	25.3	2.4	3.18
Môi giới chứng khoán	17,381	694	14.6	0.9	0.58
Ngân hàng	201,484	1,666	10.4	1.3	9.66
Bất động sản	127,937	1,345	16.9	2.8	2.04
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	26,416	3,971	8.3	1.4	1.45

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin kinh tế

Dự báo cán cân thanh toán quốc tế thặng dư 1,5 - 2 tỉ USD

Ngày 4.12, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia (NFSC) công bố báo cáo Đánh giá tình hình kinh tế Việt Nam 11 tháng năm 2013. Theo đó, báo cáo này dự báo cán cân thanh toán quốc tế năm 2013 thặng dư khoảng 1,5 - 2 tỉ USD. Trong đó cán cân thanh toán vãng lai thặng dư khoảng 6% GDP trong nửa đầu năm. 2013 là năm thứ 2 liên tiếp thặng dư sau nhiều năm tăng trưởng âm, nhờ thặng dư thương mại và kiều hối đạt khá.

Tổng thu ngân sách Nhà nước 11 tháng ước đạt trên 85% dự toán

Báo cáo về công tác thu chi ngân sách của Bộ Tài chính cho biết: Công tác tổ chức điều hành ngân sách Nhà nước (NSNN) đã được triển khai tích cực, chủ động, tình hình thực hiện thu NSNN đến nay đã có nhiều chuyển biến. Tổng thu cân đối NSNN thực hiện tháng 11 ước 67.500 tỷ đồng, lũy kế thu 11 tháng ước đạt trên 85% dự toán, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2012; ngành Hải quan tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý thu, chống thất thu và xử lý nợ đọng; tổng chi NSNN tháng 11 ước 90.500 tỷ đồng; lũy kế chi 11 tháng ước bằng 88,6% dự toán, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2012.

Thủ tướng: GDP của Việt Nam tăng trưởng 5,4% năm 2013

Tại Diễn đàn Đối tác Phát triển Việt Nam (VDPF) 2013 tổ chức sáng 5/12 tại Hà Nội, thủ tướng chính phủ Nguyễn Tấn Dũng cho biết, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt 5,4% trong năm 2013, đưa tốc độ tăng trưởng bình quân 3 năm 2011-2013 đạt 5,6%. Cũng theo thủ tướng, quy mô của nền kinh tế đạt mức 176 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 1.960 USD và GDP của Việt Nam trong 2 năm tới dự kiến tăng trưởng lần lượt ở mức 5,8% và 6%.

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin doanh nghiệp

ARM - Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 bằng tiền mặt, tỷ lệ 12%

Ngày 30/12/2013, CTCP Xuất Nhập Khẩu Hàng Không (HNX: ARM) sẽ thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013, với tỷ lệ 12% (1.200 đồng/CP). Ngày giao dịch không hưởng quyền là 18/12/2013. Nguồn chi trả tạm ứng cổ tức được lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2013. Được biết, HĐQT của ARM đã thông qua kết quả SXKD năm 2013 với tổng doanh thu là 360,02 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 7,87 tỷ đồng. Công ty dự kiến chi trả cổ tức năm 2013 với mức tỷ lệ 24%.

HDO - Phát hành riêng lẻ 3 triệu cổ phiếu

Để triển khai thực hiện chào bán riêng lẻ 3 triệu cổ phiếu đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container (HNX: HDO) đã nhất trí phát hành 3 triệu cổ phiếu với giá 10.000 đồng/CP. Bên cạnh đó, HĐQT của HDO đã thông qua tiêu chí lựa chọn đối tượng được chào bán: Các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài có đủ năng lực về tài chính, có thể hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh cho công ty trong ngắn hạn và dài hạn, đồng thời cam kết gắn bó lâu dài với công ty. Các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần phát hành riêng lẻ sẽ được thực hiện đúng theo quy định hiện hành của pháp luật.

NHS - Gia hạn thời gian chào bán 30 triệu cp ra công chúng

HĐQT CTCP Đường Ninh Hòa (HOSE: NHS) thông báo gia hạn thời gian chào bán hơn 30 triệu cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, thời gian hoàn thành việc phát hành việc phân phối chứng khoán trên sau khi gia hạn là ngày 15/01/2014. Được biết, NHS sẽ chào bán 30,375,000 cp cho CĐHH theo tỷ lệ 1: 1. Tại ĐHĐCĐ thường niên 2013 của NHS, cổ đông đã thông qua phương án phát hành này nhằm tăng vốn điều lệ lên gấp đôi, từ 303.75 tỷ lên 607.5 tỷ đồng.

HOSE 05/12/2013 VNINDEX 510.03 -0.85 -0.17% 103,881,666 CP 1,377.79 bil VND

Tiếp tục đi ngang trong vùng 510 - 513

VN-Index giảm 0.85 điểm (-0.17%), đóng cửa tại mức 510.03 điểm. VN-Index hình thành cây nến đồ gần giống với nến Doji, dao động trong biên độ 510 - 513.

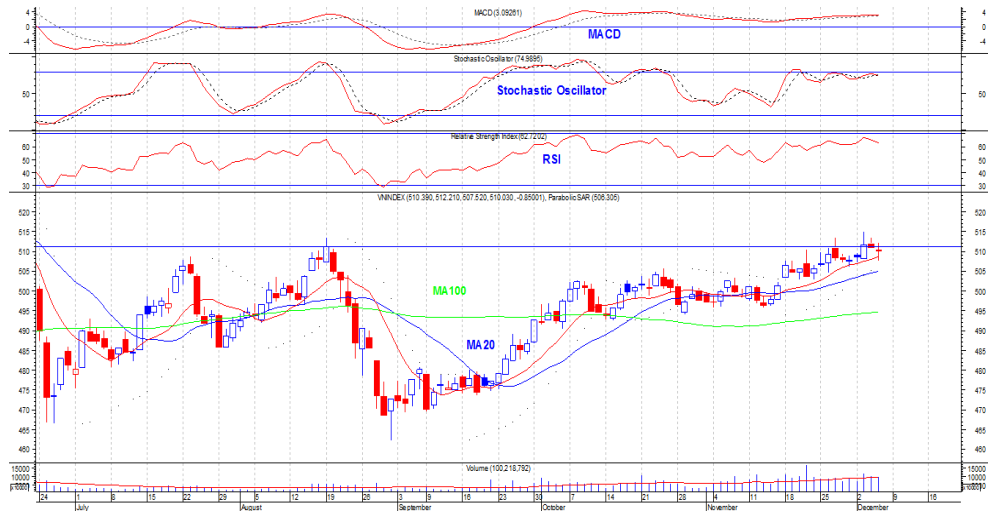
- 2 đường MA10 và MA20 tiếp tục đi lên cho thấy xu hướng ngắn hạn của VN-Index vẫn là đi lên.

- Tín hiệu MACD Histogram đi ngang.

- Stochastic Oscillator dừng đà tăng và có xu hướng giảm trở lại.

- RSI(14) giảm nhẹ xuống mức 63.

- Dải Bollinger Band có xu hướng thắt lại, cho thấy xu hướng đi ngang của VN-Index đang dần củng cố.



HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	0.1 (1.5%)	8,217,540
SAM	0.5 (6.3%)	6,076,920
FLC	0.1 (1.3%)	6,044,220
SSI	0.2 (1.1%)	3,684,400
HQC	-0.1 (-1.4%)	2,839,660

HOSE Top 5 theo % tăng

HVX	0.3 (7.0%)	10
GIL	1.8 (6.9%)	77,350
PNJ	1.9 (6.8%)	73,220
NBB	1 (6.8%)	884,750
TTP	1.4 (6.8%)	510

HOSE Top 5 theo % giảm

PXM	-0.1 (-7.7%)	15,420
KMR	-0.6 (-7.0%)	225,440
HAS	-0.4 (-6.9%)	7,510
SAV	-1 (-6.7%)	46,020
MHC	-0.3 (-6.4%)	1,150

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

GMD	15,7 tỷ	466,140
GAS	8,0 tỷ	122,430
HPG	6,8 tỷ	170,810
DQC	4,7 tỷ	136,080
VSH	4,0 tỷ	276,650

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-25,8 tỷ	#VALUE!
VIC	-8,0 tỷ	113,320
DRC	-3,9 tỷ	100,000
HBC	-3,5 tỷ	232,280
VCB	-2,8 tỷ	102,590

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-215,870	2.51

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Nhóm cổ phiếu BĐS và chứng khoán giúp thị trường giữ nhiệt ở phiên sáng. Đầu phiên chiều VN-Index giảm mạnh nhưng lực cầu vẫn duy trì khá tốt
- ▶ Dòng tiền tiếp tục phân hóa và xoay vòng giữa các nhóm ngành. Việc dòng tiền liên tục được duy trì ở mức cao thể hiện niềm tin của NĐT đang được củng cố rõ nét.
- ▶ Thị trường nghiêng nhiều về phương án tích lũy tiếp ở vùng 507 - 513. Dòng tiền sẽ phân hóa và hướng nhiều vào các mã kỳ vọng hoạt động kinh doanh hiệu quả.
- ▶ Khối ngoại mua ròng trở lại, lượng bán ròng mấy phiên vừa rồi mang tính chất cơ cấu và tập trung chủ yếu ở HAG. Nhìn chung khối ngoại vẫn đang mua gom khá tích cực.
- ▶ NĐT nên hạn chế sử dụng margin vùng này, việc nắm giữ cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt vẫn được ưu tiên, tránh dao động khi thị trường có những biến động bất thường.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
GAS	1,895.0	65.0	123,175.00	6,696	9.7	3.7	0.40
VNM	833.5	142.0	118,353.45	8,053	17.5	7.0	0.22
VIC	908.7	71.0	64,519.67	6,710	10.6	4.0	2.74
VCB	2,317.4	27.5	63,728.97	1,757	16.0	1.6	9.59
CTG	3,723.4	17.1	63,670.22	2,287	7.5	1.3	9.54
MSN	734.9	82.0	60,262.73	557	148.2	4.6	1.77
BVH	680.5	40.5	27,559.09	1,618	25.3	2.4	3.18
STB	1,142.5	16.9	19,308.45	703	24.2	1.2	8.60
PVD	275.3	62.0	17,066.21	6,609	9.5	1.6	1.13
HPG	419.1	39.9	16,720.20	3,913	10.3	1.9	1.41

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

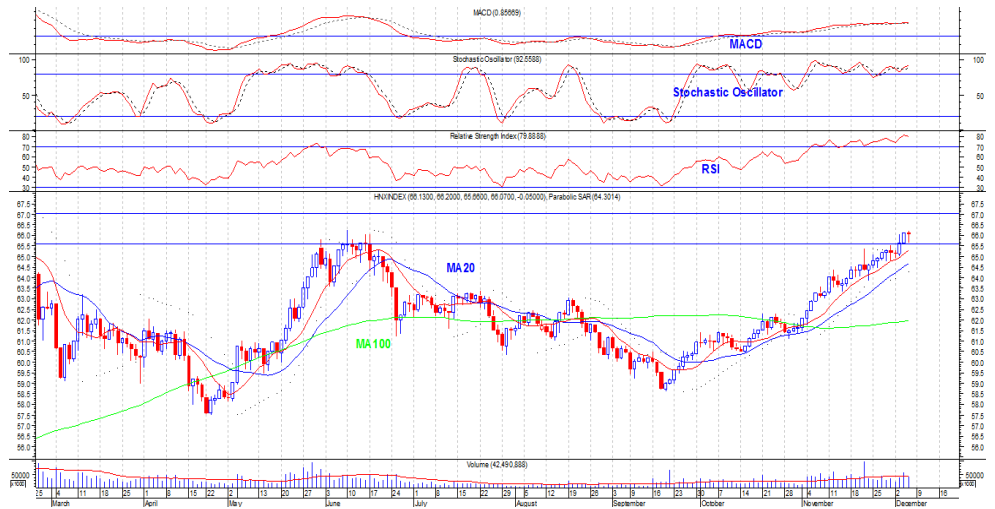
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	12.5	2,907.50	18.5	1.1	NA	T.ĐỒI
PPC	318.2	23.9	7,603.90	3.9	1.5	NA	T.ĐỒI
PHR	78.5	32.2	2,527.38	6.1	1.2	31.0	GIỮ
BMP	45.5	72.5	3,297.19	8.8	2.3	NA	T.ĐỒI
VSC	28.6	52.0	1,489.59	6.8	1.9	NA	T.ĐỒI
DPM	379.9	41.1	15,615.30	6.3	1.6	NA	T.ĐỒI

HNX 05/12/2013 HNX-Index 66.07 -0.05 -0.07% 43,358,300 CP 324.58 bil. VND

Giảm đà hưng phấn, HNX-Index điều chỉnh nhẹ

Chỉ số HNX-Index giảm 0.05 điểm (-0.07%), đóng cửa tại mốc 66.07 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ, thân ngắn, bóng dưới dài, gần giống với nến búa xác nhận xu hướng đảo chiều.

- 2 đường MA10 và MA20 hướng lên cho thấy xu hướng tăng điểm của sàn này đang khá mạnh. Nếu HNX-Index giảm điểm thì 2 chỉ số này sẽ đóng vai trò hỗ trợ khá mạnh.
- Chỉ báo Stochastic Oscillator vẫn đang ở trong vùng quá mua.
- RSI (14) giảm nhẹ về mức 79.
- ADX tiếp tục gia tăng mạnh cho thấy xu hướng tăng điểm vẫn đang được củng cố.



HNX Top 5 theo KLGD

Code	Change (%)	Volume
KLS	0.2 (2.2%)	5,138,960
APS	0.3 (7.3%)	3,384,400
SCR	-0.1 (-1.4%)	3,253,230
VIG	0.2 (6.1%)	3,228,400
ORS	0.2 (7.4%)	2,151,800

HNX Top 5 theo % tăng

Code	Change (%)	Volume
NVC	0.1 (12.5%)	197,200
SDN	2 (10.0%)	1,810
VE4	0.8 (10.0%)	-
VMC	1.5 (9.8%)	100
DAC	0.4 (9.8%)	3,700

HNX Top 5 theo % giảm

Code	Change (%)	Volume
TAG	-4.9 (-10.0%)	300
SPI	-0.6 (-9.5%)	100
VPC	-0.3 (-8.8%)	138,100
CMC	-0.5 (-8.8%)	1,600
LUT	-0.5 (-8.3%)	47,240

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Code	Change (%)	Volume
AAA	0,9 tỷ	51,300
DAD	0,6 tỷ	39,500
SED	0,4 tỷ	26,800
PVS	0,3 tỷ	14,100
VIG	0,2 tỷ	55,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Code	Change (%)	Volume
PVG	-0,8 tỷ	65,000
SHB	-0,3 tỷ	37,800
PVL	-0,1 tỷ	35,800
TCT	-0,1 tỷ	600,000
KLS	0,0 tỷ	5,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	207,735	2.13

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sàn Hà Nội giằng co mạnh, hầu hết nhóm cổ phiếu chủ chốt đều điều chỉnh nhẹ, dòng chứng khoán và bất động sản chỉ đủ giúp thị trường không bị giảm quá sâu.
- ▶ Thanh khoản thu hẹp trở lại và duy trì ở mức ngang với bình quân 20 phiên. Tâm lý nhà đầu tư vẫn khá vững khi thị trường có thời điểm giảm mạnh ở đầu phiên chiều.
- ▶ Động lực tăng điểm vẫn đang duy trì tốt, mặc dù liên tục đối mặt với các mốc kháng cự và áp lực chốt lời, việc dòng tiền vẫn duy trì ở mức cao là tín hiệu rất tích cực.
- ▶ Khối ngoại vẫn đang giữ nhịp mua ròng ở sàn này mặc dù lượng mua đã giảm xuống. Điều này giúp củng cố niềm tin cho nhà đầu tư khá nhiều.
- ▶ Việc nắm giữ các mã có yếu tố cơ bản tốt sẽ được ưu tiên nhiều hơn, hạn chế sử dụng margin và mua mới thêm khi thị trường có thể có thêm những nhịp điều chỉnh.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
ACB	921.5	15.7	14,467.79	1,027	15.3	1.1	11.53
SQC	110.0	78.2	8,602.00	198	395.7	6.4	0.24
PVS	446.7	18.2	8,129.95	2,872	6.4	1.1	2.15
SHB	886.1	7.0	6,202.58	1,884	3.7	0.6	10.63
OCH	200.0	25.7	5,140.00	687	37.4	2.4	0.95
VCG	441.7	10.6	4,682.13	403	26.6	0.9	3.58
PVI	226.3	16.7	3,778.45	1,239	13.1	0.6	0.81
LAS	77.8	35.7	2,778.60	5,181	6.9	2.2	1.11
NTP	43.3	59.0	2,556.94	7,195	8.4	2.2	0.44
VNR	100.8	22.0	2,218.21	3,470	6.3	0.9	0.91

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	28.1	1,067.80	5.2	1.2	NA	T.ĐỒI
AAA	19.8	18.0	356.40	5.3	0.7	NA	T.ĐỒI
VND	100.0	10.6	1,059.73	8.4	0.9	NA	T.ĐỒI
NTP	43.3	59.0	2,556.94	8.4	2.2	NA	T.ĐỒI
LHC	2.0	55.0	110.00	2.3	1.0	NA	T.ĐỒI
DXP	7.9	45.0	354.37	5.6	1.6	NA	T.ĐỒI

Hang T. Nguyen

hangntt@vietinbanksc.com.vn

Mã CK CTG
Tên công ty VIETINBANK
Sở giao dịch HOSE
Ngành Ngân hàng
SLCPLH 3723.4 triệu CP
GTVH (tỷ) 64,415 tỷ VND

Giá hiện tại **17.3**
 Giá mục tiêu **20.5**

GIỮ

► CTG: Nợ xấu tăng mạnh với nợ có khả năng mất vốn tăng 158%

Hiện nay nợ xấu của CTG đang phình to, từ 1.5% (2012) lên đến 2.47% vào tháng 9 năm 2013. Trong 3 nhóm nợ xấu thì nợ dưới tiêu chuẩn tăng gấp rưỡi, nợ nghi ngờ giảm nhẹ, còn nợ có khả năng mất vốn tăng bất ngờ lên 5,431 tỷ đồng, chiếm đến 60% trong tổng nợ xấu. Tốc độ tăng nợ xấu của Vietinbank là lớn nhất trong số những ngân hàng niêm yết (CTG: 74.21%, VCB: 29.01%, SHB: 4.73%. ACB: 35.78%, STB: 24.63%, MB: 51.09%, EIB: 47.37%, NVB: 40.43%).

Nhận định: CTG là ngân hàng có tổng tài sản lớn thứ 2 trong ngành, và chiếm trên 14% thị trường cho vay. CTG đã chứng minh là một ngân hàng mạnh khi báo cáo tăng trưởng lợi nhuận cao so với những ngân hàng trong bối cảnh kinh tế vĩ mô suy giảm vào năm 2012. 28.64% cổ phần thuộc về nhà đầu tư chiến lược nước ngoài cộng với việc mở rộng phạm vi hoạt động sang khu vực Châu Âu với 2 chi nhánh tại Đức càng chứng tỏ CTG là một ngân hàng lớn mạnh và có tầm vươn xa.

Tính đến tháng 9 năm 2013, tổng tài sản của CTG đạt 528,609 tỷ đồng, cho vay khách hàng đạt 345,555 tỷ đồng, tương ứng tăng 5% và 3.7% so với đầu năm. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2013, thu nhập lãi thuần của CTG đạt 13,934 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 7,047 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 5,307 tỷ đồng, ghi nhận sự tăng 9.9% so với cùng kỳ 2012. Điều này có được là do tăng trưởng tín dụng cao hơn, chi phí nhân viên và chi phí dự phòng rủi ro giảm.

Tuy lũy kế 9 tháng 2013 CTG vẫn ghi nhận tốc độ tăng trưởng tốt, nhưng do đặt kế hoạch khá cao cộng với việc nền kinh tế vẫn chưa thoát khỏi hẳn cuộc khủng hoảng, khiến Hội đồng quản trị phải thông qua việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh vào tháng 11 vừa qua. Nếu giữ tốc độ tăng trưởng như vậy, CTG sẽ hoàn thành được kế hoạch lợi nhuận mới đề ra (Lợi nhuận trước thuế 3 quý đầu đã đạt 93.96% kế hoạch).



Các chỉ số lợi nhuận ROA, ROE và NIM đều giảm nhẹ, tuy nhiên vẫn giảm ít hơn so với trung bình ngành (giảm 0.47% so với 0.78% của ngành).

Tính thanh khoản của ngân hàng không được tốt khi tỉ lệ cho vay/tiền gửi trên 100% cộng với tỉ lệ tiền mặt thấp. Tỉ lệ nợ xấu tăng vọt, đặc biệt là nhóm 5 (tăng 158%) khiến chất lượng tài sản của CTG giảm đi.

Cổ phiếu CTG đang giao dịch ở mức hỗ trợ 17.1, EPS của CTG đang là cao nhất toàn ngành cộng với việc P/E đang thấp hơn so với trung bình, hứa hẹn một sự tăng giá của cổ phiếu này trong tương lai.

Theo phương pháp so sánh chỉ số, cổ phiếu CTG được định giá ở mức 20.5 so với mức giao dịch hiện tại là 17.3, vì vậy, khuyến nghị 'NẮM GIỮ' cổ phiếu này.

Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

	12Q2	12Q3	12Q4	13Q1	13Q2	13Q3
Thu nhập lãi thuần	4,685.0	4,680.1	4,702.4	4,645.8	4,684.8	4,629.8
Thu nhập dịch vụ	319.1	249.8	330.4	304.0	366.2	421.4
Thu nhập HDKD khác	474.9	692.5	789.4	333.8	341.9	854.5
Chi phí hoạt động	3,213.9	1,666.3	2,374.9	2,567.4	2,084.7	2,198.7
Lãi ròng	570.6	2,708.1	1,346.8	1,039.6	2,123.9	2,186.7
Tổng dư nợ	300,279	335,921	387,507	371,621	390,993	402,261
Tài sản khác	104,589	107,086	116,099	128,226	131,608	126,347
Tổng tài sản	404,868	443,007	503,606	499,847	522,601	528,609
Công nợ	374,073	409,805	469,757	464,981	474,394	478,261
Vốn chủ sở hữu	30,795	33,202	33,849	34,866	48,207	50,348

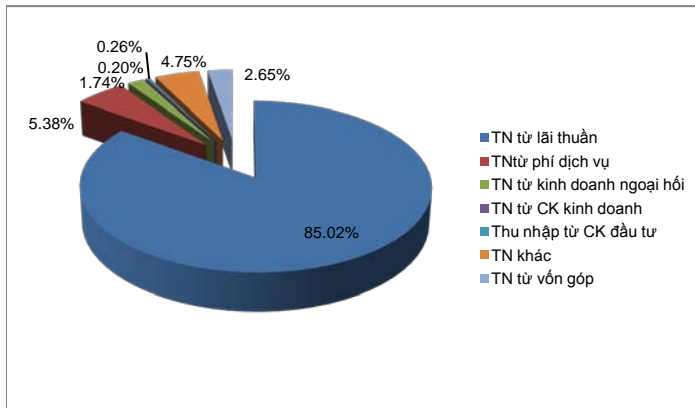
Mã CK	SLCPLH	Giá	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	ROA
Một số công ty cùng lĩnh vực hoạt động							
ACB	921.5	15.6	14,375.64	1,027	15.2	1.1	0.56%
CTG	3,723.4	17.3	64,414.90	2,287	7.6	1.3	1.29%
EIB	1,235.5	13.3	16,432.45	965	13.8	1.1	0.75%
MBB	1,115.6	12.7	14,168.44	2,040	6.2	0.9	1.24%
NVB	297.7	6.4	1,905.09	278	23.0	0.6	-0.36%
SHB	886.1	7.0	6,202.58	1,884	3.7	0.6	1.51%
STB	1,142.5	17.2	19,651.20	703	24.5	1.2	0.50%
VCB	2,317.4	28.4	65,814.64	1,757	16.2	1.6	0.95%

Chỉ số bình quân ngành

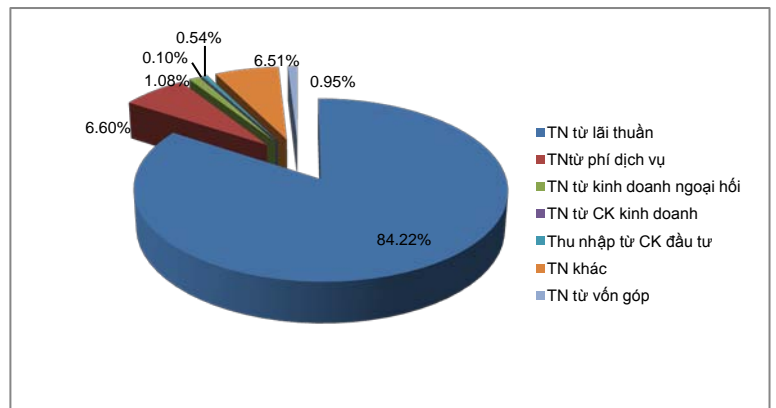
Ngân hàng	202,965.00	1,666	10.5	1.3	1.00%
-----------	------------	-------	------	-----	-------

► Cơ cấu doanh thu thuần

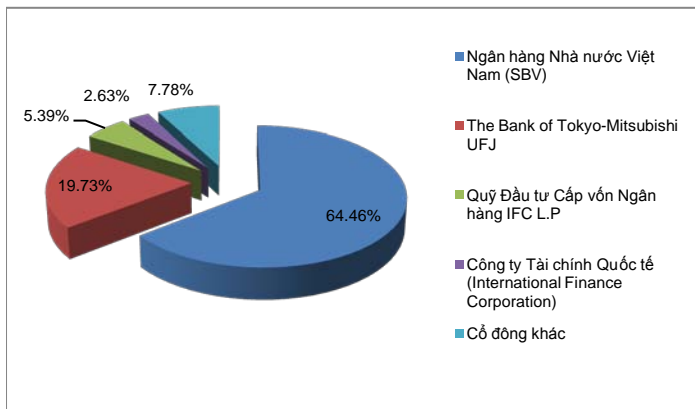
2012



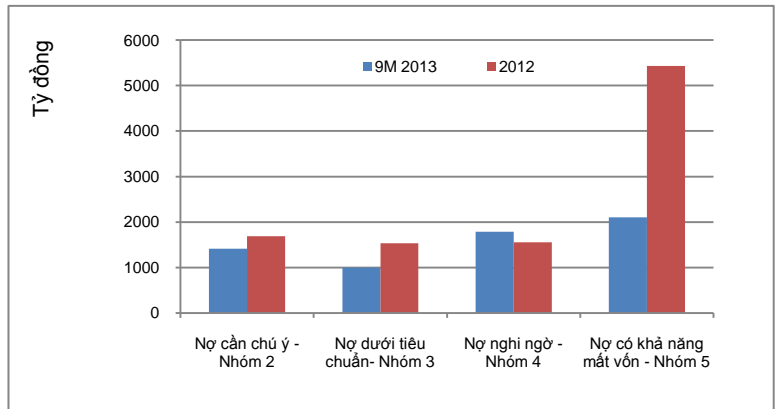
9 tháng 2013



Cơ cấu cổ đông



Nợ phân theo nhóm



KẾT QUẢ KINH DOANH					BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
	2009	2010	2011	2012		2009	2010	2011	2012
Tổng doanh thu	20,661	34,689	58,101	54,202	Tiền mặt & tương đương	7,573	7,851	15,815	14,745
Thu nhập lãi ròng	7,936	12,089	20,048	18,420	Tiền gửi/cho vay TCTC khác	24,045	50,961	65,268	57,708
Thu nhập lãi	18,913	31,919	55,775	50,661	Chứng khoán kinh doanh	299	224	543	275
Chi phí lãi	(10,976)	(19,830)	(35,727)	(32,241)	Cho vay khách hàng	161,619	231,435	290,398	329,683
Thu nhập ngoài lãi	1,748	2,770	2,326	3,542	Chứng khoán đầu tư	38,977	61,585	67,449	73,462
Tổng thu nhập hoạt động	9,684	14,859	22,374	21,962	Đầu tư dài hạn khác	1,464	2,093	2,924	2,771
Chi phí hoạt động	(5,803)	(7,195)	(9,078)	(9,436)	Tài sản cố định	3,298	3,298	3,746	5,277
Chi phí dự phòng	(508)	(3,025)	(4,904)	(4,358)	Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
LNR trước thuế	3,373	4,638	8,392	8,168	Tài sản khác	6,435	10,247	14,257	19,535
Thuế	(790)	(1,194)	(2,133)	(1,998)	Tổng tài sản	243,785	367,712	460,420	503,530
LNR sau thuế	2,583	3,445	6,259	6,170	Vay NHNN	13,719	43,221	27,294	2,785
Lợi ích cổ đông thiểu số	(11)	(9)	(16)	(18)	Tiền gửi/vay từ TCTD khác	15,012	35,097	74,408	96,815
LNR sau lợi ích thiểu số	2,573	3,436	6,244	6,152	Huy động từ dân cư	148,375	205,919	257,136	289,105
EPS	2.286	2.264	3.086	2.346	Giấy tờ có giá	43,330	55,463	47,914	61,896
					Nợ khác	10,572	9,641	24,969	19,088
					Tổng nợ	231,008	349,340	431,721	469,690
					Vốn	11,253	15,172	20,230	26,218
					Sổ phiếu quỹ	-	-	-	-
					Vốn khác	88	90	1,944	2
					Quỹ	394	691	1,776	2,736
					Lợi nhuận giữ lại	836	2,218	4,541	4,669
					Tổng vốn chủ sở hữu	12,572	18,170	28,491	33,625
					Cổ đông thiểu số	205	202	208	216
					Tổng nợ & vốn CSH	243,785	367,712	460,420	503,530
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH					TĂNG TRƯỞNG				
	2009	2010	2011	2012		2009	2010	2011	2012
Khả năng sinh lợi					Tài sản		50.8%	25.2%	9.4%
Thu nhập lãi/tổng thu nhập	81.9%	81.4%	89.6%	83.9%	Vốn CSH		44.5%	56.8%	18.0%
Thu nhập ngoài lãi/Tổng TN	18.1%	18.6%	10.4%	16.1%	Cho vay khách hàng		43.2%	25.5%	13.5%
					Huy động từ dân cư		38.8%	24.9%	12.4%
Tỷ lệ lãi biên	42.0%	37.9%	35.9%	36.4%	Thu nhập lãi		68.8%	74.7%	-9.2%
Chi phí/Thu nhập	58.0%	62.1%	64.1%	63.6%	Chi phí lãi		80.7%	80.2%	-9.8%
Khả năng thanh toán					Thu nhập lãi ròng		52.3%	65.8%	-8.1%
Dư nợ KH/huy động KH	108.9%	112.4%	112.9%	114.0%	Thu nhập ngoài lãi		58.4%	-16.0%	52.2%
Dư nợ KH/Tổng huy động	98.9%	96.0%	87.6%	85.4%	Thu nhập hoạt động		53.4%	50.6%	-1.8%
					Chi phí hoạt động		24.0%	26.2%	3.9%
Hệ số an toàn vốn					Lợi nhuận trước thuế		37.5%	80.9%	-2.7%
Tỷ lệ an toàn vốn CAR	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	Lợi nhuận ròng		33.3%	81.7%	-1.4%
Chất lượng tín dụng									
Nợ xấu/tổng dư nợ	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%					
Dự phòng/nợ xấu	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%					
Tỷ suất sinh lời									
ROA	1.1%	0.9%	1.4%	1.2%					
ROA	20.5%	18.9%	21.9%	18.3%					

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	8,033	4,300	6.4	1.1	0.50
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,007	5,436	6.5	1.6	0.39
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,037	302	18.3	0.5	2.10
Sản xuất giấy	584	397	17.2	0.7	0.96
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	28,028		12.9	1.6	1.84
Khai khoáng					
Khai thác than	1,390	312	29.4	0.6	5.23
Khai khoáng	12,121	751	39.7	4.9	0.33
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	14,999	987	11.9	1.3	1.67
Xây dựng	23,121	402	22.1	0.9	3.20
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	1,975	2,581	6.8	1.1	1.03
Công nghiệp phức hợp	402	1,656	5.8	0.6	0.34
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,685	1,284	10.8	1.4	1.05
Thiết bị điện	1,483	458	12.2	0.6	1.12
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	30	53	103.1	0.4	0.43
Máy công nghiệp	8,379	2,915	8.5	1.5	0.65
Vận tải					
Vận tải thủy	6,517	2,796	2.8	0.8	1.80
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,538	3,097	10.7	1.2	0.42
Dịch vụ vận tải	4,512	1,673	10.0	1.3	0.80
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	1,675	1,806	8.4	1.0	2.94
Đào tạo & Việc làm	206	369	20.6	0.6	1.99
Nhà cung cấp thiết bị	167	885	8.7	0.8	2.38
Chất thải & Môi trường	115	6,529	1.8	0.7	1.30
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,924	1,077	14.3	3.8	32.30
Lốp xe	6,058	4,405	7.6	2.3	1.28
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,275	2,750	6.4	1.0	0.89
Vang & Rượu mạnh	197	1,484	14.8	1.5	1.02
Đồ uống & giải khát	198	3,598	5.2	1.0	0.41
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	12,360	1,641	10.6	1.2	1.96
Thực phẩm	199,301	3,862	21.9	5.7	0.74
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	40	692	4.8	0.5	0.31
Thiết bị gia dụng	2,104	2,036	8.5	1.0	1.16
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	163	4,808	3.7	1.4	0.45
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,559	2,422	8.4	1.2	1.61
Giày dép	6	1,938	1.9	0.2	0.59
Hàng cá nhân	4,604	3,086	9.5	1.6	0.91
Thuốc lá					
Thuốc lá	686	-	26.8	0.9	2.65

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,074	2,542	7.4	1.0	0.61
Dụng cụ y tế	83	5,281	2.3	1.1	1.30
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	150	870	15.1	0.9	0.43
Dược phẩm	13,591	5,962	10.7	3.0	0.79
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	428	453	75.0	1.3	2.65
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	567	471	28.1	0.9	1.09
Phân phối hàng chuyên dụng	2,693	3,177	8.4	1.6	3.95
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2,492	3.3	0.4	0.78
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	981	1,589	6.9	0.8	0.62
Du lịch và giải trí					
Hàng không	99	4,511	7.3	2.2	1.04
Khách sạn	5,604	583	40.0	2.4	0.90
Dịch vụ giải trí	1,920	605	20.7	1.6	0.77
Vận tải hành khách & Du lịch	1,091	914	19.2	2.0	0.52
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	36	628	8.4	0.3	0.76
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	433	63	81.2	0.6	1.31
Internet	303	72	57.1	0.8	3.45
Phần mềm	13,674	5,015	8.5	1.9	1.11
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	296	583	12.2	0.5	1.45
Thiết bị văn phòng	195	3,383	4.6	0.7	0.21
Thiết bị viễn thông	1,883	705	13.8	0.7	0.33
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	20,492	2,218	6.3	1.2	1.17
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	128,491	6,178	9.6	3.6	0.45
Nước	924	2,445	4.9	0.9	0.62
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,100	959	9.6	0.8	1.93
Bảo hiểm phi nhân thọ	5,642	1,272	10.9	0.6	0.87
Tái bảo hiểm	2,218	3,470	6.3	0.9	0.91
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	27,899	1,618	25.3	2.4	3.18
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,600	196	61.1	1.1	2.61
Môi giới chứng khoán	17,381	694	14.6	0.9	0.58
Ngân hàng					
Ngân hàng	201,484	1,666	10.4	1.3	9.66
Bất động sản					
Bất động sản	127,937	1,345	16.9	2.8	2.04
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	3	720	3.5	0.4	1.03
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	26,416	3,971	8.3	1.4	1.45

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.